TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SẦM SƠN** **TỈNH THANH HÓA** Bản án số: 32/2024/HNGĐ - ST Ngày: 29 - 8 - 2024 V/v: ly hôn, tranh chấp về nuôi con	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SẦM SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Hay

Ông Nguyễn Văn Thơm;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Khánh Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Sầm Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 41/2024/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2024 về việc: " Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số: 32/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phan Thị T - sinh năm 1995; Có đơn xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Khu phố N, phường Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa;

Bị đơn: Anh Hoàng Danh S - sinh năm 1991; Có đơn xét xử vắng mặt

Địa chỉ: Khu phố Q, phường Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Phan Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh S tự nguyện kết hôn với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Q, huyện Quảng X (Nay là thành phố S), tỉnh Thanh Hóa vào năm 2013. Sau khi kết hôn vợ chồng sống vui vẻ hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không còn hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, không quan tâm nhau. Từ năm 2020 chị T và anh S sống ly thân cho đến nay, quá trình ly thân vợ chồng không

còn quan tâm đến nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh S.

Về con chung: Chị T và anh S có 02 con chung, là cháu Hoàng Thị N - sinh ngày 20/10/2016 và cháu Hoàng Danh T – sinh ngày 16/8/2019. Nay chị T đề nghị giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N, giao anh S trực tiếp nuôi dưỡng cháu T cho đến khi các cháu thành niên. Các bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản, công nợ chung: Chị T không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Đối với bị đơn anh Hoàng Danh S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh S và chị T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Q, huyện Quảng Xương (Nay là thành phố Sầm Sơn), tỉnh Thanh Hóa vào năm 2013. Quá trình chung sống vợ chồng sống vui vẻ hạnh phúc được một thời gian đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không còn hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cải vả. Vợ chồng sống ly thân được 04 năm nay, không còn quan tâm đến nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh S thì anh S cũng đồng ý.

Về con chung: Anh S và chị T có 02 con chung, là cháu Hoàng Thị N - sinh ngày 20/10/2016 và cháu Hoàng Danh T – sinh ngày 16/8/2019. Nay ly hôn anh S đề nghị Tòa án giải quyết giao cháu N cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu T cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu thành niên. Các bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản, công nợ chung: Anh S không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sầm Sơn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về hướng giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014,

Đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn, xử cho chị T được ly hôn với anh S.

Về yêu cầu nuôi con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào nguyện vọng của đương sự cũng như độ tuổi, tâm lý lứa tuổi để giao con theo quy định, cần giao cháu Hoàng Thị N cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Hoàng Danh T cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Về việc cấp dưỡng, các bên đương sự không có yêu cầu nên miễn xét.

Về tài sản, công nợ chung: Chị T và anh S không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

Về án phí: Buộc nguyên đơn chị Phan Thị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa. Trên cơ sở quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc chấp hành pháp luật tố tụng và đề nghị hướng giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân thành phố Sầm Sơn có đủ cơ sở nhận định.

[1]. Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Do bị đơn có nơi cư trú tại phường Q, thành phố Sầm Sơn, nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Sầm Sơn là đúng quy định tại các Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Phan Thị T và bị đơn anh Hoàng Danh S có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh S.

[2] Xét về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh S đã thực hiện lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương, việc kết hôn được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Tại thời điểm đăng ký kết hôn, cả chị và anh không vi phạm các quy định về độ tuổi và các điều kiện cấm kết hôn theo Luật hôn nhân và gia đình. Như vậy, hôn nhân của anh, chị được công nhận là hợp pháp.

[3]. Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn đối với bị đơn: Trong thời kỳ hôn nhân, chị T và anh S sống hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh chị tính tình không còn hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống, không quan tâm nhau, không có tiếng nói chung, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc. Như vậy, mâu thuẫn cuộc sống hôn nhân của anh chị đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay nguyện vọng xin ly hôn của chị T là có căn cứ chấp nhận, vì thực trạng anh, chị không còn sống với nhau. Hội đồng xét xử chấp nhận với ý kiến của Kiểm sát viên, cho chị Phan Thị T được ly hôn anh Hoàng Danh S là phù hợp với Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[4]. Về con chung: Chị T và anh S có 02 con chung, là cháu Hoàng Thị N - sinh ngày 20/10/2016 và cháu Hoàng Danh T – sinh ngày 16/8/2019. Nay chị T đề nghị giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N, giao anh S nuôi dưỡng cháu T cho đến khi các cháu thành niên. Các bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Xét thấy việc nuôi dạy con cái là quyền và nghĩa vụ của cha mẹ, ai cũng có quyền này. Căn cứ vào nguyện vọng của đương sự cũng như độ tuổi, tâm lý lứa

tuổi để giao con theo quy định, ngoài ra nguyện vọng của cháu N là được ở với chị T. Nên cần giao cháu Hoàng Thị N cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Hoàng Danh T cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con: Các bên không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5].Về tài sản, công nợ chung: Chị T, anh S không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí: Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm chị Phan Thị T phải chịu, theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. (ban hành kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phan Thị T về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" đối với anh Hoàng Danh S.

Xử:

Về hôn nhân: Chị Phan Thị T được ly hôn với anh Hoàng Danh S;

Về con chung: Giao cháu Hoàng Thị N cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu thành niên; giao cháu Hoàng Danh T cho anh S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu thành niên. Chị T và anh S không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau và có quyền qua lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Phan Thị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai số: 0004796 ngày 12 tháng 3 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Chị T đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai, chị Phan Thị T và anh Hoàng Danh S được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKS TP. Sầm Sơn;
- UBND phường Q;
- Chi cục THADS TP Sầm Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Văn Hùng